

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Hoàng Thị Hằng¹, Nguyễn Thanh Phong¹, Hoàng Thu Hoài²

TÓM TẮT

Trên cơ sở thu thập số liệu sơ cấp năm 2019 của 34 hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTXNN năm 2018. Kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy 3 yếu tố là số khâu dịch vụ, số năm kinh nghiệm của chủ tịch HĐQT và chi phí hoạt động có ảnh hưởng đến lợi nhuận HTX và đã giải thích được 55,87% sự biến thiên của lợi nhuận HTX. Hệ số của biến khâu dịch vụ, số năm kinh nghiệm của chủ tịch HĐQT và chi phí hoạt động lần lượt có ý nghĩa thống kê tại mức độ tin cậy là 99%, 90% và 90%. Các yếu tố này đều tương quan tỷ lệ thuận với lợi nhuận HTX. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao lợi nhuận của HTXNN bao gồm: nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý HTX, giải pháp về vốn, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Từ khóa: Hợp tác xã nông nghiệp, lợi nhuận, Yên Khánh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nông nghiệp Việt Nam, mô hình hợp tác xã (HTX) của những người sản xuất kinh doanh dịch vụ riêng lẻ dưới nhiều hình thức đa dạng là một nhu cầu thiết yếu và là xu thế khách quan. Ở giai đoạn hiện nay, HTX ngày càng có vai trò quan trọng, đóng góp nhiều cho mục tiêu tái cơ cấu kinh tế, nhất là trong ngành nông nghiệp của Việt Nam (Lê Bảo, 2014). Mô hình HTX vừa mang lại lợi ích cho người nông dân – thành viên tham gia HTX và cộng đồng, vừa được sự chấp thuận, đồng thuận của xã hội và hệ thống pháp luật (Nguyễn Thị Thu Hà, 2014).

Ngày 20/11/2012, Quốc hội đã ban hành Luật HTX năm 2012 để khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật HTX năm 2003. Cùng với phong trào chuyển đổi và thành lập mới các HTX của cả nước, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã có những bước đi phù hợp trong việc chuyển đổi HTX kiểu cũ thành HTX kiểu mới. Huyện Yên Khánh có 34 HTX dịch vụ nông nghiệp, chiếm 82,93% HTX của toàn huyện (UBND huyện Yên Khánh, 2019). Tuy vậy, nhiều HTX vẫn còn tồn tại mang tính chất hình thức tuy đã hoàn tất các thủ tục chuyển đổi. Hầu hết các HTX hiện nay đều thiếu vốn, trong lúc các thủ tục vay vốn còn nhiều bất cập, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, thiếu cán bộ có năng lực quản lý, phương hướng kinh

doanh không ổn định. Vì vậy, hiệu quả kinh tế chưa cao, thu nhập người lao động trong HTX còn thấp, sức hấp dẫn của các HTXNN còn chưa lớn. Bên cạnh đó, nhiều HTX vẫn còn tồn tại những tư tưởng cũ, trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước, chưa thực sự là một đơn vị kinh tế tự chủ, chưa đáp ứng được những nhu cầu của xã viên.

Bài báo phân tích tình hình hoạt động của HTXNN tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, từ đó phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTXNN tại địa bàn và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận của HTX trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp chọn vùng và đối tượng điều tra

Huyện Yên Khánh có 34 HTXNN và toàn bộ 34 HTX đã được khảo sát. Các HTX được khảo sát về tình hình hoạt động, các dịch vụ nông nghiệp HTX cung cấp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các ý kiến đánh giá về hoạt động của các HTX. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được áp dụng, đối tượng điều tra là chủ tịch hội đồng quản trị (HDQT) của HTXNN. Số liệu của HTX được thu thập năm 2019.

Nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo kinh tế - xã hội của UBND huyện Yên Khánh, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Yên Khánh từ năm 2016 đến 2018; các văn kiện, nghị quyết, sách, báo, tạp chí và các công trình nghiên cứu đã được xuất bản.

¹ Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

² Sinh viên Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Để phân tích và xử lý số liệu, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu như số trung bình, tần số, tỷ lệ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của các HTX. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTX như số khâu dịch vụ, số năm kinh nghiệm của chủ tịch HĐQT và chi phí sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận của các HTXNN được đo lường dựa trên doanh thu và chi phí của HTXNN trong năm 2018. Trên cơ sở tham khảo các kết quả nghiên cứu của Dương Ngọc Thành và cộng sự (2018), Huỳnh Kim Nhân (2017), Nguyễn Thiện Phúc (2011), Bùi Thống Nhất (2010), mô hình định lượng được thiết lập trong phạm vi nghiên cứu này bao gồm 3 biến độc lập: KDV: số khâu dịch vụ mà các HTXNN thực hiện (khâu); KN: Kinh nghiệm làm việc của Chủ tịch HĐQT tại HTXNN (năm); CP: Tổng chi phí thực hiện các hoạt động dịch vụ (triệu đồng), trong đó LN: lợi nhuận (triệu đồng/năm) là biến phụ thuộc đo lường lợi nhuận mà các HTXNN đạt được trong một năm sản xuất (tính từ 1/1/2018 đến 31/12/2018).

Mô hình được xác định như sau:

$$LN = \beta_0 + \beta_1 KDV + \beta_2 KN + \beta_3 CP$$

Trong đó: β_0 : Hệ số tự do; $\beta_1, \beta_2, \beta_3$ là các tham số của các biến giải thích.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Bảng 1. Kết quả và hiệu quả kinh tế hoạt động dịch vụ của HTXNN tại huyện Yên Khánh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Trung bình chung
I. Kết quả	Tr.đ/HTX				
1. Doanh thu	Tr.đ/HTX	1.463,64	1.536,32	1.489,00	1.496,32
2. Chi phí	Tr.đ/HTX	1.444,33	1.508,30	1.464,32	1.472,32
3. Lợi nhuận	Tr.đ/HTX	19,25	28,02	24,67	23,98
4. TSCĐ	Tr.đ/HTX	1.370,56	1.395,65	1.562,55	1.442,92
5. TSLĐ	Tr.đ/HTX	501,37	596,15	581,96	559,83
II. Tốc độ quay vòng vốn	Lần				
1. DT/CP	Lần	1,013	1,019	1,013	1,016
2. DT/TS	Lần	0,782	0,771	0,782	0,749
3. DT/TSCĐ	Lần	1,068	1,101	1,068	1,041
4. DT/TSLĐ	Lần	2,919	2,577	2,919	2,685
III. Tỷ suất sinh lời	Lần				
1. LN/DT	Lần	0,013	0,018	0,013	0,016

3.1. Tình hình hoạt động HTXNN tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

Đến năm 2018, các HTXNN trên địa bàn huyện Yên Khánh đã được chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 là 100%, có hơn 75% HTXNN có trụ sở làm việc và các HTXNN làm tốt các dịch vụ tưới tiêu, bảo vệ đồng, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức bộ máy của các HTXNN huyện Yên Khánh cơ bản được thực hiện đúng theo Luật HTX năm 2012. Các HTX đã bám sát điều lệ mẫu và dựa vào các điều kiện cụ thể của mình để xây dựng điều lệ cho HTX mình một cách phù hợp.

Nghiên cứu cũng thu thập số liệu liên quan đến kết quả, hiệu quả hoạt động dịch vụ của các HTX tại địa bàn. Số liệu bảng 1 cho thấy thấy doanh thu và chi phí dịch vụ của các HTX có xu hướng tăng không đồng đều qua 3 năm gần đây. Doanh thu của các HTX tăng do năm 2017 các HTX mở thêm các dịch vụ, đầu tư thêm các tài sản lưu động (TSLĐ) để phục vụ sản xuất nên doanh thu của năm 2017 tại các HTX tăng mạnh như HTX Hợp Tiến, xã Khánh Nhạ; HTX Thống Nhất, xã Khánh Thiện và doanh thu năm 2018 giảm so với năm 2017 vì chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, sâu bệnh, mưa lớn trên diện rộng đúng thời kỳ xuống giống, một số địa phương chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng mục đích khác. Nhìn chung tổng lợi nhuận của các HTX có phần tăng qua các năm. Năm 2016 tổng số lợi nhuận của HTX là 654,539 triệu đồng, đến năm 2018 là 838,844 triệu đồng.

2. LN/CP	Lần	0,013	0,019	0,013	0,016
3. LN/TS	Lần	0,010	0,014	0,010	0,012
4. LN/TSCĐ	Lần	0,014	0,020	0,014	0,017
5. LN/TSLĐ	Lần	0,038	0,047	0,038	0,043

Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Yên Khánh, 2016, 2017, 2018

Các HTXNN có các hoạt động dịch vụ: dịch vụ tưới tiêu, bảo vệ thực vật, diệt chuột, thủy lợi nội đồng, bảo vệ đống, cung ứng vật tư, làm đất, tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao khoa học kỹ thuật, giống cây

trồng, thú y, thu gom chất thải. Kết quả so sánh qua các năm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận được thể hiện tại bảng 2.

Bảng 2. Chi tiêu so sánh kết quả hoạt động các dịch vụ nông nghiệp

Loại dịch vụ	Doanh thu (%)			Chi phí (%)			Lợi nhuận (%)		
	17/16	18/17	BQ	17/16	18/17	BQ	17/16	18/17	BQ
Tưới tiêu	103,30	96,97	100,08	103,25	97,49	100,33	104,99	75,55	89,06
BVTV	102,79	98,22	100,48	102,24	98,54	100,37	164,93	75,71	111,74
Diệt chuột	103,27	100,62	101,94	102,29	101,81	102,05	236,71	30,59	85,10
Thủy lợi nội đồng	101,93	98,38	100,14	101,57	98,81	100,18	127,45	74,74	97,60
Bảo vệ đống	101,20	99,69	100,44	100,18	100,25	100,21	755,09	52,04	198,23
Cung ứng vật tư	111,99	90,07	100,43	110,29	88,14	98,60	314,20	170,46	231,43
Làm đất	140,93	80,90	106,77	143,49	73,45	102,66	88,09	331,33	170,85
Tiêu thụ sản phẩm	115,94	94,00	104,39	116,10	92,17	103,45	103,85	239,66	157,76
Khác	116,89	90,01	102,58	116,26	90,18	102,39	151,24	83,08	112,09

Nguồn: Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Yên Khánh, 2016, 2017, 2018

Doanh thu từ dịch vụ làm đất tăng từ 1,128 tỷ đồng lên 1,286 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 6,77%, nguyên nhân do các HTXNN trang bị thêm các thiết bị máy móc, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và tại các địa phương chưa có nhiều cá nhân kinh doanh loại dịch vụ này. Từ năm 2008, HTX đã thực hiện miễn giảm thủy lợi phí theo Nghị định 115/2008/NĐ-CP của Chính phủ, doanh thu từ dịch vụ thủy lợi nội đồng như nao vét kênh mương, tiền phí cung cấp từ hệ thống kênh cấp II do Nhà nước chi một phần. Doanh thu từ các dịch vụ BVTV, bảo vệ đống, cung ứng vật tư có xu hướng tăng ít. Đối với BVTV, tại địa phương có nhiều cá nhân kinh doanh dẫn đến tính cạnh tranh cao và HTXNN trên địa bàn hiện nay chưa có trụ sở chính nên điều kiện sản xuất, kinh doanh các loại hình dịch vụ chưa đảm bảo. Các

HTX phải đi thuê mặt bằng hoặc mượn nhà văn hóa của thôn nên chi phí tăng cao. Trong khi doanh thu HTX thu được gần bằng với chi phí bỏ ra để phục vụ người dân và các thành viên trong HTX.

Kết quả điều tra tại bảng 3 cho thấy các giải pháp thực hiện rà soát các hoạt động: học hỏi kinh nghiệm từ các HTX khác, tìm hiểu, nắm bắt các thông tin thị trường có số ý kiến cao nhất là 34/34 và 33/34, chiếm 100% và 97,06%. Giải pháp tăng cường vốn góp của xã viên chưa thực sự được thực hiện một cách hiệu quả, có 11/34 ý kiến, chiếm 32,35%. Lượng vốn góp của xã viên đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển các loại hình dịch vụ của HTX, tuy nhiên do người dân chưa tin tưởng vào hoạt động quản trị của HTXNN nên việc huy động nguồn vốn này gặp nhiều khó khăn.

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ về các giải pháp được áp dụng của các HTXNN

Các giải pháp áp dụng	Số lượng (HTX)	Tỷ lệ (%)
1. Học hỏi kinh nghiệm từ các HTX khác	34	100,00
2. Tìm hiểu, nắm bắt các thông tin thị trường	33	97,06
3. Thường xuyên thực hiện rà soát các hoạt động	33	97,06

4. Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy quản lý	31	91,18
5. Đầu tư máy móc, thiết bị	30	88,24
6. Thay đổi thái độ phục vụ	24	70,59
7. Nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng	23	67,65
8. Mở thêm các loại hình dịch vụ	18	52,94
9. Tăng cường lương vốn góp xã viên	11	32,35

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Nhìn chung, sau khi thực hiện Luật HTX sửa đổi năm 2012, hầu hết các giải pháp đều được thực hiện nhưng chưa thực sự hiệu quả và hầu như đánh giá

của cán bộ HTX ở mức độ chưa hài lòng chiếm phần lớn.

Bảng 4. Ý kiến của HTX về những khó khăn gặp phải trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX

Chỉ tiêu	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
1. Thiếu vốn	34	100,00
2. Máy, thiết bị và công nghệ sản xuất lạc hậu	34	100,00
3. Trình độ quản lý hạn chế	34	100,00
4. Thiếu đất đai, nhà xưởng	34	100,00
5. Nhận thức của người dân về HTX còn hạn chế	34	100,00
6. Khó tiêu thụ sản phẩm	31	91,17
7. Nắm bắt và tiếp cận thị trường hạn chế	30	88,24
8. Cơ chế chính sách của nhà nước chưa phù hợp	28	82,35

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Số liệu điều tra tại bảng 4 cho thấy: 100% ý kiến cán bộ HTX đưa ra khó khăn mà HTX gặp phải đó là: thiếu vốn, máy móc, thiết bị sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý hạn chế, thiếu đất đai, nhà xưởng và nhận thức của người dân về HTX còn hạn chế.

3.2. Lợi nhuận của HTXNN tại huyện Yên Khánh

Lợi nhuận được coi là một trong những yếu tố quan trọng trong việc thể hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của HTX. Khi các hộ xã

viên tham gia vào hợp tác xã để tìm kiếm lợi ích chung, lợi nhuận cao sẽ là động lực cho các hộ xã viên nâng cao năng suất lao động, tham gia tích cực hơn. Tuy nhiên, lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Nghiên cứu đã phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tới lợi nhuận của HTXNN tại huyện Yên Khánh bao gồm: số khâu dịch vụ HTXNN đang cung cấp, kinh nghiệm làm việc của chủ tịch HĐQT và chi phí hoạt động của các HTX.

Bảng 5. Lợi nhuận trung bình của HTXNN phân theo số khâu dịch vụ năm 2018

DVT: Đồng

Số khâu HTXNN thực hiện	Số HTX thực hiện	Lợi nhuận HTX cao nhất	Lợi nhuận HTX thấp nhất	Lợi nhuận trung bình
Từ 10 đến 12	3	133.040.280	60.938.700	101.848.793
Từ 6 đến 9	16	66.004.200	610.100	23.631.470
Từ 1 đến 5	15	41.645.552	1.466.000	10.346.294

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Số liệu tại bảng 5 cho thấy lợi nhuận nhóm HTXNN thực hiện trên 12 khâu dịch vụ có 3 HTX thực hiện, nhóm này có lợi nhuận cao nhất là 133.040.320 đồng (HTXNN Đồng Tiến, xã Khánh Nhạ), lợi nhuận thấp nhất là 60.938.700 đồng (HTXNN Đồng Cường, xã Khánh Cường) và lợi nhuận trung bình năm của nhóm này là 101.848.793

đồng; nhóm HTX thực hiện từ 6 đến 9 khâu dịch vụ có 16 HTXNN thực hiện nhóm này có lợi nhuận cao nhất là 66.004.200 đồng (HTXNN Khánh Mậu, xã Khánh Mậu), lợi nhuận thấp nhất là 610.100 đồng (HTXNN Thống Nhất, xã Khánh Thiện) và lợi nhuận trung bình năm của nhóm này là 23.631 đồng và nhóm HTX thực hiện dưới 5 khâu dịch vụ có lợi

nhuận cao nhất là 41.654 đồng (HTXNN Ninh Hồng, thị trấn Yên Ninh), lợi nhuận thấp nhất là 1.466.000 đồng (HTXNN Toàn Thắng, xã Khánh Cư) và lợi nhuận trung bình của nhóm này là 10.346.294 đồng. Lợi nhuận của các HTXNN thực hiện các khâu dịch vụ là khác nhau, nhóm HTX thực hiện nhiều khâu dịch vụ thì lợi nhuận cao hơn gấp 10 lần nhóm thực hiện dưới 5 khâu dịch vụ. Như vậy, lợi nhuận các HTXNN bị ảnh hưởng nhiều bởi các khâu dịch vụ mà các HTXNN thực hiện.

Bảng 6. Lợi nhuận trung bình của các HTXNN phân theo kinh nghiệm làm việc chủ tịch HĐQT năm 2018

DVT: Đồng

Kinh nghiệm làm việc	Số cán bộ	Lợi nhuận trung bình
Trên 7 năm	5	36.949.509
Từ 5-6 năm	13	23.630.399
Dưới 5 năm	16	21.681.358

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Số liệu tại bảng 6 cho thấy số năm làm việc của chủ tịch HĐQT, các HTXNN càng cao thì lợi nhuận trung bình của các HTX tăng, vì khi chủ tịch HĐQT của mỗi HTX làm càng lâu năm thì họ sẽ có nhiều kinh nghiệm, có sự hiểu biết, có các mối quan hệ rộng, nhận thức rõ ràng hơn về các nguyên tắc hoạt động của HTX và có những quyết sách đúng đắn cho HTX, bên cạnh đó khi cán bộ làm việc lâu năm tại HTX sẽ được người dân tin tưởng hơn và từ đó sẽ thu hút được nhiều người dân tham gia HTX hơn.

Bảng 7. Lợi nhuận trung bình của các HTXNN phân theo chi phí hoạt động năm 2018

DVT: Đồng

Chi phí các HTX	Số HTX	Lợi nhuận trung bình
Trên 1000 triệu đồng	15	41.520.687
Từ 600 đến 1000 đồng	8	10.437.952
Dưới 600 triệu đồng	11	12.048.222

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Kết quả điều tra cho thấy nhóm các HTXNN bỏ ra chi phí trên một tỷ đồng sẽ là các HTX thực hiện nhiều khâu dịch vụ, khi thực hiện nhiều khâu dịch vụ thì các HTX sẽ bỏ ra nguồn chi phí lớn để hoạt động và nhóm này có lợi nhuận trung bình cao nhất 41.520 triệu đồng/năm. Bên cạnh đó nhóm có chi phí hoạt động từ 600- 1000 triệu đồng/năm và nhóm dưới 600 triệu đồng/năm thì lợi nhuận nhóm bỏ ra

chi phí dưới 600 triệu đồng lại cao hơn nhóm bỏ ra 600-1000 triệu đồng/ năm vì hai nhóm này sẽ thực hiện các khâu dịch vụ là ngang nhau nên khi chi phí bỏ ra càng thấp thì lợi nhuận thu về cao hơn.

3.3. Kết quả mô hình hồi quy định lượng yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận HTX

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTX tại địa bàn (Bảng 8).

Bảng 8. Kết quả hàm hồi quy phụ thuộc vào các biến giải thích

Các biến	Hệ số tương quan	Giá trị P (P-Value)
Hệ số tự do	-55,9199	0,005***
KDV	7,7781	0,005***
KN	4,3858	0,097*
CP	0,0081	0,080*
F-kđ	1,61E-0,5	
R2	0,5587	
R2 điều chỉnh	0,5146	

***, *: có ý nghĩa thống kê tương ứng tại mức tin cậy là 99%, 90%.

(Nguồn: Số liệu điều tra, 2019)

Từ bảng kết quả hồi quy (Bảng 8) viết được phương trình tuyến tính sau:

$$LN = -55,9199 + 7,7781KDV + 4,3858KN + 0,0081CP$$

Hệ số xác định $R^2 = 0,5587$ tại bảng 8 cho thấy mô hình giải thích được 55,87% sự biến thiên của biến phụ thuộc (lợi nhuận của HTXNN), còn lại 44,13 sự biến thiên của biến phụ thuộc không được giải thích trong mô hình này.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy số khâu dịch vụ, kinh nghiệm làm việc và chi phí là các yếu tố ảnh hưởng tới lợi nhuận của các HTXNN. Hệ số của biến khâu dịch vụ của HTXNN có ý nghĩa thống kê tại mức độ tin cậy là 99%, biến chi phí và biến kinh nghiệm làm việc của chủ tịch HĐQT có ý nghĩa thống kê tại mức độ tin cậy là 90%.

Số khâu dịch vụ (KDV): Yếu tố này tương quan tỷ lệ thuận với lợi nhuận của HTXNN. Các hợp tác xã có nhiều khâu dịch vụ cung cấp tại các xã viên tạo ra được nhiều lợi nhuận hơn so với các hợp tác xã có ít khâu dịch vụ được cung cấp.

Kinh nghiệm của chủ tịch HĐQT (KN): yếu tố này tương quan tỷ lệ thuận với lợi nhuận của HTXNN. Kinh nghiệm của chủ tịch HĐQT càng nhiều thì lợi nhuận của HTX sẽ có xu hướng tăng lên.

Chi phí của HTXNN (CP): yếu tố này tương quan tỷ lệ thuận với lợi nhuận của HTX cụ thể trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, nếu chi phí tăng lên 1 triệu đồng thì lợi nhuận tăng lên 0,0081 triệu đồng.

3.4. Giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận của HTXNN tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

3.4.1. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý HTX

Trình độ cán bộ HTXNN tại huyện Yên Khánh đang có xu hướng tăng lên, tuy nhiên tốc độ tăng như hiện nay vẫn còn chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Vì vậy, quy hoạch phát triển cán bộ HTXNN là cơ sở thực hiện công tác cán bộ HTXNN trong những năm tới, cần phân biệt rõ nghĩa vụ, quyền hạn của HTXNN với cấp ủy và chính quyền địa phương trong công tác cán bộ, đồng thời hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Địa phương cần tăng cường học tập các HTX điển hình tiên tiến để phát triển các loại hình dịch vụ mới. Ngoài ra, cải thiện thái độ phục vụ của cán bộ HTXNN luôn sẵn sàng giúp đỡ hộ nông dân, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ để hướng dẫn, giúp đỡ hộ nông dân tận tình trong các dịch vụ của HTX từ đó làm tăng tỷ lệ tham gia, sử dụng dịch vụ của HTX.

3.4.2. Giải pháp về vốn

Hiện nay, việc hoàn thành thủ tục vay vốn của các HTX rất khó khăn, nhất là trong vấn đề thế chấp tài sản nhiều HTXNN chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gặp nhiều khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng. Mặt khác, lượng vốn vay không đủ đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hoạt động sản xuất và kinh doanh vì vậy việc nâng cao hiệu quả hoạt động gặp không ít khó khăn. Do đó, cần có một cơ chế cho các HTXNN vay vốn phù hợp: các tổ chức tín dụng, ngân hàng cần đa dạng hóa mức độ vốn vay và hình thức cho vay cũng như hạn chế các thủ tục rườm rà, không cần thiết để HTX vay vốn kịp thời, đầu tư cho quá trình sản xuất. Thu hồi nợ cần tiến hành nhanh chóng, khẩn trương đối với những khoản nợ lâu ngày hoặc đến hạn phải trả. Đối với những khoản nợ chưa đến hạn thu hồi cần hạch

toán rõ về lãi, kỳ hạn phải trả, nhằm phân bổ hợp lý về nguồn vốn thúc đẩy các HTX phát triển.

3.4.3. Giải pháp đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ

Nâng cao dịch vụ cung cấp vật tư của HTX cung cấp cho các hộ nông dân phải có nguồn gốc rõ ràng, đặc biệt là phân bón vật tư nông nghiệp. Vì vậy HTX cần phải hợp đồng trực tiếp với các nhà sản xuất tránh qua các khâu trung gian làm tăng chi phí, giảm tính cạnh tranh cho dịch vụ.

Chất lượng các loại vật tư sản phẩm, thuốc bảo vệ thực vật hoặc các loại giống cây trồng trước khi đưa xuống cho bà con xã viên cần phải có sự kiểm định chặt chẽ của HTXNN hoặc các tổ chức đảm bảo tính pháp lý và thông tin về sản phẩm trước khi chuyển đến người dân sử dụng sản phẩm đó.

Đi đôi với chất lượng, HTX cần chú trọng đến tính kịp thời của các loại hình dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu của các hộ xã viên nhất là dịch vụ thủy lợi và bảo vệ thực vật.

4. KẾT LUẬN

Những HTX có nhiều hoạt động dịch vụ thì hoạt động hiệu quả cao hơn và ổn định hơn những HTX ít dịch vụ. Hiệu quả hoạt động của các HTXNN ở huyện Yên Khánh chưa cao, chưa đáp ứng được với yêu cầu và quá trình hội nhập kinh tế của đất nước. Các HTX đang gặp khó khăn là do trình độ đội ngũ quản lý HTX còn hạn chế và thiếu vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTX bao gồm: số khâu dịch vụ, kinh nghiệm làm việc và chi phí hoạt động. Trên cơ sở thực trạng hoạt động và phân tích các yếu tố ảnh hưởng, một số giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận của các HTXNN trên địa bàn huyện Yên Khánh gồm: nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ HTX, giải pháp về vốn, nâng cao chất lượng dịch vụ HTX cung cấp. Các giải pháp này sẽ góp phần hạn chế những tổn thất, khó khăn mà các HTX đang gặp phải.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thống Nhất (2010). Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp cao học ngành Kinh tế. Trường Đại học Cần Thơ. Cần Thơ.

2. Dương Ngọc Thành, Nguyễn Công Toàn và Hà Thị Thu Hà (2018). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ. 54 (4D): 212-219

3. Huỳnh Kim Nhân (2017). Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Trà Vinh. Luận văn cao học. Trường Đại học Trà Vinh.

4. Lê Bảo (2014). Thực trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Kinh tế, số 4 (08) 2014.

5. Nguyễn Thị Thu Hà (2014). Vai trò của Chính phủ và đầu tư đối với sự phát triển của hợp tác xã: ý nghĩa lý luận và bài học kinh nghiệm. Tạp chí Khoa học Kinh tế - số 4 (08) 2014.

6. Nguyễn Thiện Phúc (2011). Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Hậu Giang. Luận văn tốt nghiệp cao học ngành Kinh tế nông nghiệp. Trường Đại học Cần Thơ.

7. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Yên Khánh (2016). Báo cáo về tình hình hoạt động của các hợp tác xã tại huyện Yên Khánh năm 2016.

8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Yên Khánh (2017). Báo cáo về tình hình hoạt động của các hợp tác xã tại huyện Yên Khánh năm 2017.

9. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Yên Khánh (2018). Báo cáo về tình hình hoạt động của các hợp tác xã tại huyện Yên Khánh năm 2018.

10. Quốc hội (2012). Luật số 23/2012/QH13 của Quốc hội: Luật Hợp tác xã.

11. UBND huyện Yên Khánh (2016). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016.

12. UBND huyện Yên Khánh (2017). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2017.

13. UBND huyện Yên Khánh (2018). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2018.

FACTORS AFFECTING TO PROFITABILITY OF AGRICULTURAL COOPERATIVES IN YEN KHANH DISTRICT, NINH BINH PROVINCE

Hoang Thi Hang, Nguyen Thanh Phong, Hoang Thu Hoai

Summary

Based on the collection of primary data in 2019 of 34 cooperatives in Yên Khánh district, Ninh Binh province, the article used a multivariate linear regression model to analyze some factors affecting the cooperatives' profitability in 2018. The results of the regression model analysis show that three factors which are the number of service stages, the number of years of experience of the chairman and the operational costs affected and explained 55.87% variation of cooperatives' profitability. The coefficient of the number of service stages, the number of years of experience of the chairman and the operational costs were statistically significant at the reliability levels of 99%, 90% and 90%. These factors were positively correlated with the profitability of cooperatives. The article also proposes some solutions to improve the profitability of cooperatives including: improving the quality of the cooperative management, solutions for capital, diversification and improvement of service quality.

Keywords: *Agricultural cooperatives, profitability, Yên Khánh district.*

Người phản biện: TS. Hoàng Vũ Quang

Ngày nhận bài: 20/3/2019

Ngày thông qua phản biện: 21/4/2020

Ngày duyệt đăng: 27/4/2020